

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN VẬT LÝ KHỐI 11

ĐỀ ÔN SỐ 1

Câu 1: (2,5 điểm) Ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung tương ứng ở cột bên phải để được một câu có nội dung đúng.

CỘT A	CỘT B	ĐÁP ÁN (Ví dụ 1-a)
1. Điện môi là	a. ion dương.	
2. Nguyên tử bị mất electron sẽ trở thành	b. vôn trên mét (V/m)	
3. Môi trường truyền tương tác giữa các điện tích gọi là	c. lực thế.	
4. Cường độ điện trường tại một điểm là đại lượng đặc trưng cho	d. vôn (V).	
5. Lực tĩnh điện là	e. thì hút nhau.	
6. Công thức liên hệ giữa công của lực điện và độ giảm thế năng của điện tích là;	f. tụ điện.	
7. Đơn vị đo của điện thế là	g. tác dụng lực của điện trường tại điểm đó.	
8. Đại lượng đặc trưng cho khả năng sinh công của điện trường khi di chuyển của một điện tích từ M đến N trong điện trường là	h. hiệu điện thế U_{MN} .	
9. Dụng cụ thường dùng để tích và phóng điện trong mạch điện là	i. điện trường	
10. Đại lượng đặc trưng cho khả năng tích điện của tụ điện ở một hiệu điện thế xác định là	k. môi trường cách điện.	
	l. $A_{MN} = W_M - W_N$	
	m. điện dung	

Câu 2: (2,5 điểm) Điền vào chỗ trống:

- Lực hút hay đẩy giữa hai điện tích điểm đặt trong(1)..... có phương trùng với đường nối giữa hai điện tích, có độ lớn tỉ lệ thuận với tích độ lớn của hai điện tích và tỉ lệ nghịch với bình phương khoảng cách giữa chúng.
- Nguyên tử bị mất một số electron thì trở thành một(2).....
- Trong một hệ cô lập về điện, tổng đại số của các điện tích là(3).....
- Điện trường là dạng vật chất bao quanh(4)..... và gắn liền với điện tích.
- Đơn vị(5)..... là V/m (Vôn trên mét).
- Công của lực điện trong sự di chuyển của một điện tích không phụ thuộc vào(6)..... mà chỉ phụ thuộc vào vị trí điểm đầu và điểm cuối của đường đi trong điện trường.
- Thế năng của điện tích đặt tại một điểm trong điện trường đặc trưng cho khả năng(7)..... của điện trường khi đặt điện tích tại điểm đó.
- Điện thế tại một điểm trong điện trường đặc trưng riêng cho điện trường về phương diện tạo ra(8)..... khi đặt tại đó một điện tích q.
-(9)..... giữa hai điểm M, N trong điện trường là đại lượng đặc trưng cho khả năng sinh công của điện trường trong sự di chuyển của một điện tích từ M đến N.
-(10)..... là đơn vị điện dung của tụ điện.

Câu 3: (2 điểm) Trong *chân không*, tại hai điểm A và B cách nhau 8cm đặt 2 điện tích $q_1 = 4.10^{-6}$ C và $q_2 = 10.10^{-6}$ C. Tại điểm C cách A 3cm và cách B 5cm đặt điện tích $q_3 = 5.10^{-7}$ C. Tính **lực điện tổng hợp** do q_1 và q_2 tác dụng lên q_3 .

Câu 4: (1điểm) Cho một điện tích $q = 2.10^{-6}$ C dịch chuyển dọc theo các cạnh của một tam giác vuông ABC vuông tại A đặt trong điện trường đều $\vec{E}$ cùng hướng với $\vec{AB}$ và $E = 4000\text{V/m}$. Biết $AB = 3$ cm, $AC = 4$ cm. Tính công của điện trường trên từng cạnh của tam giác ABC trên.

Câu 5: (1điểm) Cho một tụ điện như hình bên. Trên tụ có ghi $4700 \mu\text{F} - 35\text{V}$.

a/ Nêu ý nghĩa số liệu ghi trên tụ.

b/ Tính điện tích tối đa mà tụ tích được.

Câu 6: (1điểm) Đặt hai điện tích $q_1 = -9.10^{-9}$ C, $q_2 = 3.10^{-9}$ C đặt tại hai điểm A, B cách nhau 12 cm trong chân không. Xác định vị trí của điểm M mà tại đó có cường độ điện trường tổng hợp bằng 0?



ĐỀ ÔN SỐ 2

Câu 1: (2,5 điểm) Ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung tương ứng ở cột bên phải để được một câu có nội dung đúng.

CỘT A	CỘT B	ĐÁP ÁN (Ví dụ 1-a)
1. Đơn vị điện tích là	a. điện trường.	
2. Số proton trong hạt nhân bằng số electron quay quanh hạt nhân nên bình thường thì nguyên tử	b. vôn trên mét (V/m)	
3. Dạng vật chất bao quanh các điện tích và gắn liền với điện tích là	c. $A_{MN} = qEd$	
4. Cường độ điện trường tại một điểm là đại lượng đặc trưng cho	d. vôn (V).	
5. Đơn vị của cường độ điện trường là	e. thế năng của điện tích.	
6. Công của lực điện trong điện trường đều được tính bởi công thức	f. tụ điện.	
7. Điện thế tại một điểm trong điện trường đặc trưng cho điện trường về phương diện tạo ra	g. tác dụng lực của điện trường tại điểm đó.	
8. Đơn vị đo của hiệu điện thế là	h. trung hoà về điện.	
9. Tụ điện phẳng gồm hai bản kim loại phẳng đặt song song với nhau và ngăn cách nhau bằng một lớp	i. culông (C).	
10. Đại lượng đặc trưng cho khả năng tích điện của tụ điện ở một hiệu điện thế xác định là	k. điện môi.	
	l. $A_{MN} = W_M - W_N$	
	m. điện dung	

Câu 2: (2,5 điểm) Điền vào chỗ trống:

- Lực tương tác tĩnh điện giữa hai điện tích điểm đặt trong chân không được tính bởi biểu thức(1).....
- Khối lượng electron rất nhỏ nên chúng có độ linh động rất cao. Do đó electron dễ dàng bứt khỏi nguyên tử, di chuyển trong vật hay di chuyển từ vật này sang vật khác làm cho các vật bị(2).....
- Trong một hệ cô lập về điện, tổng đại số của các điện tích là(3).....
- Môi trường truyền tương tác giữa các điện tích gọi là(4).....
-(5)..... tại một điểm là đại lượng đặc trưng cho độ mạnh yếu của điện trường tại điểm đó
- Công của lực điện trong sự di chuyển của một điện tích không phụ thuộc vào(6)..... mà chỉ phụ thuộc vào vị trí điểm đầu và điểm cuối của đường đi trong điện trường.
- Thế năng của điện tích đặt tại một điểm trong điện trường đặc trưng cho khả năng(7)..... của điện trường khi đặt điện tích tại điểm đó.

- Điện thế tại một điểm trong điện trường đặc trưng riêng cho điện trường về phương diện tạo ra(8)..... khi đặt tại đó một điện tích q.

-(9)..... giữa hai điểm M, N trong điện trường là đại lượng đặc trưng cho khả năng sinh công của điện trường trong sự di chuyển của một điện tích từ M đến N.

- Tụ điện là một hệ hai vật dẫn đặt gần nhau và ngăn cách nhau bằng một lớp(10).....

Câu 3: (2 điểm) Trong *chân không*, tại hai điểm A và B cách nhau 8cm đặt 2 điện tích $q_1 = 4.10^{-7}$ C và $q_2 = 5.10^{-6}$ C. Tính *cường độ điện trường tổng hợp* do q_1 và q_2 gây ra tại C cách A 3cm và cách B 5cm.

Câu 4: (1 điểm) Cho một điện tích $q = 2,5.10^{-6}$ C dịch chuyển dọc theo các đường sức của điện trường đều $\vec{E}$ có độ lớn $E = 4000$ V/m. Biết quãng đường mà điện tích di chuyển là 20m. Tính công của lực điện trên quãng đường trên.

Câu 5: (1 điểm) Cho một tụ điện như hình bên. Trên tụ có ghi $560\mu\text{F} - 400$ V.

a/ Nêu ý nghĩa số liệu ghi trên tụ.

b/ Tính điện tích tối đa mà tụ tích được.

Câu 6: (1 điểm) Đặt hai điện tích $q_1 = - 9.10^{-9}$ C, $q_2 = 3.10^{-9}$ C đặt tại hai điểm A, B cách nhau 12 cm trong chân không. Xác định vị trí đặt điện tích $q_3 = 1.10^{-9}$ C để q_3 cân bằng.



ĐỀ ÔN SỐ 3

Câu 1 (2,5 điểm): Ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung tương ứng ở cột bên phải để được một câu có nội dung đúng.

CỘT A	CỘT B	ĐÁP ÁN (Ví dụ 1-a)
1. Lực hút hay đẩy giữa hai điện tích điểm có độ lớn tỉ lệ thuận với	a. là không đổi.	
2. Vật nhiễm điện âm là	b. vôn trên mét (V/m)	
3. Trong một hệ cô lập về điện, tổng đại số của các điện tích	c. $U_{MN} = V_M - V_N = \frac{A_{MN}}{q}$	
4. Môi trường tuyến tương tác giữa các điện tích gọi là	d. vôn (V).	
5. Đơn vị đo cường độ điện trường là	e. tích độ lớn hai điện tích.	
6. $A_{MN} = qEd$ là công thức	f. bằng một lớp cách điện.	
7. Công của lực điện và độ giảm thế năng của điện tích trong điện trường	g. có chứa nhiều điện tích tự do.	
8. Đơn vị đo của điện thế là	h. tính công của lực điện.	
9. Hiệu điện thế giữa hai điểm M và N là $U_{MN} = V_M - V_N = \frac{A_{MN}}{q}$	i. vật thừa electron	
10. Tụ điện là hệ hai vật dẫn đặt gần nhau và ngăn cách nhau	k. điện trường.	
	l. $A_{MN} = W_M - W_N$	
	m. thì đẩy nhau.	

Câu 2 (2,5 điểm): Điền vào chỗ trống

- Khi đặt các điện tích trong một điện môi đồng tính thì lực tương tác giữa chúng sẽ(1)..... ϵ lần so với khi đặt nó trong chân không. ϵ gọi là hằng số điện môi của môi trường ($\epsilon \geq 1$).

- Số proton trong hạt nhân(2)..... số electron quay quanh hạt nhân nên bình thường thì nguyên tử trung hoà về điện.

- Điện trường là một dạng vật chất bao quanh các điện tích và gắn liền với điện tích. Điện trường tác dụng(3)..... lên điện tích khác đặt trong nó.

- Cường độ điện trường tại một điểm là đại lượng đặc trưng cho(4)..... của điện trường tại điểm đó.
- Công của lực điện trong sự di chuyển của điện tích trong điện trường bất kì không phụ thuộc vào(5)..... mà chỉ phụ thuộc vào vị trí điểm đầu và điểm cuối của đường đi.
- Thế năng của điện tích đặt tại một điểm trong điện trường đặc trưng cho(6)..... của điện trường khi đặt điện tích tại điểm đó.
- Điện thế tại một điểm trong điện trường đặc trưng cho điện trường về phương diện tạo ra(7)..... của điện tích.
- Đơn vị(8)..... là V (Vôn).
- Cách tích điện cho tụ điện: Nối hai bản của tụ điện với(9)..... của nguồn điện.

- Điện dung của tụ điện là đại lượng đặc trưng cho(10)..... của tụ điện ở một hiệu điện thế nhất định.

Câu 3 (2điểm): Đặt hai điện tích $q_1 = -2.10^{-9}C$, $q_2 = 4.10^{-9}C$, tại hai điểm A và B cách nhau 10cm trong chân không. Xác định điện trường tại điểm M, biết MA = 6cm, MB = 8cm.

Câu 4 (1điểm): Một điện tích q dịch chuyển dọc theo các cạnh của một tam giác đều ABC cạnh a = 4cm đặt trong điện trường đều $\vec{E}$ cùng hướng với $\vec{BC}$ và $E = 4000V/m$. Công của lực điện trường thực hiện khi dịch chuyển điện tích q theo cạnh AC bằng $-8.10^{-6}J$. Tính q?

Câu 5 (1điểm): Trên vỏ một tụ điện có ghi 1000 μ F - 50V như hình bên. Nối hai bản hiệu điện thế 40V.



tụ với

- Nêu ý nghĩa số liệu ghi trên tụ.
- Tính điện tích tối đa mà tụ tích được.

Câu 6 (1điểm): Cho hai điện tích $q_1 = 16\text{ nC}$, $q_2 = 4\text{ nC}$ đặt tại hai điểm A, B cách nhau 20 cm trong chân không. Xác định vị trí của của điện tích $q_3 = -5\text{ nC}$ khi q_3 nằm cân bằng?

ĐỀ ÔN SỐ 4

Câu 1 (2,5 điểm): Ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung tương ứng ở cột bên phải để được một câu có nội dung đúng.

CỘT A	CỘT B	ĐÁP ÁN (Ví dụ 1-a)
1. Công thức tính lực tĩnh điện	a. hiệu điện thế.	
2. Điện tích electron bằng	b. vôn trên mét (V/m)	
3. Môi trường tuyến tương tác giữa các điện tích gọi là	c. $V_M = \frac{A_{M\infty}}{q}$	
4. Đơn vị cường độ điện trường	d. Jun (J).	
5. Đơn vị đo công của lực điện là	e. cường độ điện trường	
6. Thế năng của một điện tích điểm q đặt tại điểm M trong điện trường:	f. $F = \frac{k q_1q_2 }{\epsilon r^2}$	
7. Công thức tính điện thế	g. $-1,6. 10^{-19}\text{ C}$	
8. $U=E.d$ là công thức tính	h. $C = \frac{Q}{U}$	
9. Tụ điện dùng để	i. điện trường.	
10. Công thức tính điện dung C	k. $W_M = A_{M\infty} = qV_M$	
	l. 10^{-12} C	
	m. chứa điện tích.	

Câu 2 (2,5 điểm): Điền vào chỗ trống

- Điện môi là(1)..... cách điện.

- Điện tích của electron và điện tích của prôtôn là điện tích(2)..... mà ta có thể có được. Vì vậy ta gọi chúng là điện tích nguyên tố.

- Điện trường là một dạng(3)..... bao quanh các điện tích và gắn liền với điện tích. Điện trường tác dụng lực điện lên điện tích khác đặt trong nó.

- Véc tơ cường độ điện trường $\vec{E}$ gây bởi một điện tích điểm có: Chiều hướng ra xa điện tích nếu là(4)....., hướng về phía điện tích nếu là điện tích âm.

- Lực tĩnh điện là(5)....., trường tĩnh điện là trường thế.

- Khi một điện tích q di chuyển từ điểm M đến điểm N trong một điện trường thì công mà lực điện trường tác dụng lên điện tích đó sinh ra sẽ bằng(6)..... của điện tích q trong điện trường.

- Điện thế là đại lượng đại số. Thường chọn điện thế ở(7)..... hoặc một điểm ở vô cực làm mốc (bằng 0).

- Hiệu điện thế giữa hai điểm M, N trong điện trường là đại lượng đặc trưng cho(8)..... của điện trường trong sự di chuyển của một điện tích từ M đến N.

- Tụ điện phẳng gồm hai bản kim loại phẳng đặt(9)..... với nhau và ngăn cách nhau bằng một lớp điện môi.

- Điện dung của tụ điện là đại lượng đặc trưng cho khả năng tích điện của tụ điện ở một(10)..... nhất định.

B. BÀI TẬP

Câu 3 (2điểm): Đặt hai điện tích $q_1 = 4.10^{-8}C$, $q_2 = 6.10^{-8}C$, tại hai điểm A và B cách nhau 10cm trong chân không. Xác định lực điện tác dụng lên điện tích $q_3 = 5.10^{-7}C$ tại điểm M, biết $MA = 6cm$, $MB = 4cm$.

Câu 4 (1điểm): Một điện tích q dịch chuyển dọc theo các cạnh của một hình vuông ABCD cạnh $a = 20cm$ đặt trong điện trường đều $\vec{E}$ cùng hướng với $\vec{AD}$ và $E = 3000V/m$. Tính công của lực điện khi q di chuyển dọc theo cạnh BC và DB. Biết $q = -2,4.10^{-8}C$.

Câu 5 (1điểm): Trên vỏ một tụ điện có ghi $10000\mu F - 25V$ như hình bên. Nối hai bản với hiệu điện thế 40V.

a/ Nêu ý nghĩa số liệu ghi trên tụ.

b/ Tính điện tích mà tụ tích được.

Câu 6 (1điểm): Cho hai điện tích $q_1 = -3,6nC$, $q_2 = 8,1nC$ đặt tại hai điểm A, B cách nhau 20 cm trong chân không. Xác định vị trí của của điện tích $q_3 = -5nC$ khi q_3 nằm bằng?



tụ

cân

ĐỀ ÔN SỐ 5

Câu 1 (2,5 điểm): Ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung tương ứng ở cột bên phải để được một câu có nội dung đúng.

CỘT A	CỘT B	ĐÁP ÁN (Ví dụ 1-a)
1. Công thức tính cường độ dòng điện	a. hiệu điện thế.	
2. Điện tích electron bằng	b. vôn trên mét (V/m)	
3. Môi trường tuyến tương tác giữa các điện tích gọi là	c. $V_M = \frac{A_{M\infty}}{q}$	
4. Đơn vị cường độ điện trường	d. Jun (J).	
5. Đơn vị đo công của lực điện là	e. cường độ điện trường	
6. Thế năng của một điện tích điểm q đặt tại điểm M trong điện trường:	f. $E = \frac{k Q }{\epsilon r^2}$	
7. Công thức tính điện thế	g. -1 C	
8. $U=E.d$ là công thức tính	h. $C = \frac{Q}{U}$	
9. Tụ điện dùng để	i. điện trường.	
10. Công thức tính điện dung C	k. $W_M = A_{M\infty} = qV_M$	
	l. $-1,6. 10^{-19} \text{ C}$	
	m. V/m.	

Câu 2 (2,5 điểm): Điền vào chỗ trống

- Điện môi là(1)..... cách điện.
- Tổng đại số của các điện tích của một hệ vật(2)..... là không thay đổi.
- Điện trường là một dạng vật chất bao quanh các điện tích và gắn liền với điện tích. Điện trường(3)..... lên điện tích khác đặt trong nó.
- Véc tơ cường độ điện trường $\vec{E}$ gây bởi một điện tích điểm có: Chiều hướng ra xa điện tích nếu là(4)....., hướng về phía điện tích nếu là điện tích âm.
- Lực tĩnh điện là(5)....., trường tĩnh điện là trường thế.
- Công của lực điện(6).....hình dạng đường đi mà chỉ phụ thuộc vào vị trí điểm đầu và điểm cuối của đường đi trong điện trường.
- Điện thế là đại lượng đại số. Thường chọn điện thế ở(7)..... hoặc một điểm ở vô cực làm mốc (bằng 0).
- Hệ thức liên hệ giữa hiệu điện thế và cường độ điện trường:.....(8).....
- Tụ điện phẳng gồm hai bản kim loại phẳng đặt(9)..... với nhau và ngăn cách nhau bằng một lớp điện môi.
- Điện dung của tụ điện là đại lượng đặc trưng cho(10)..... của tụ điện ở một hiệu điện thế nhất định.

Câu 3 (2điểm): Tại 2 điểm A, B cách nhau 10cm trong chân không có hai điện tích $q_1 = 4.10^{-6} \text{ C}$, $q_2 = 8.10^{-6} \text{ C}$. Xác định lực tổng hợp do q_1 và q_2 tác dụng lên $q_3 = 2.10^{-6} \text{ C}$ đặt tại điểm M, biết MA = 2cm và MB = 12cm.

Câu 4 (1điểm): Một điện tích q dịch chuyển dọc theo các cạnh của một hình chữ nhật ABCD cạnh AB = 30 cm, AD = 40 cm đặt trong điện trường đều $\vec{E}$ cùng hướng với $\vec{AD}$ và $E = 3000 \text{ V/m}$. Tính công của lực điện khi q di chuyển dọc theo cạnh AD và DB. Biết $q = 5.10^{-8} \text{ C}$.

Câu 5 (1 điểm):

Trên vỏ một tụ điện có ghi 2200 μ F - 35V như hình bên. Nối hai bản tụ với hiệu điện thế 40V.

a/ Nêu ý nghĩa số liệu ghi trên tụ.

b/ Tính điện tích mà tụ tích được.



Câu 6 (1 điểm): Cho hai điện tích $q_1 = 16 \mu\text{C}$, $q_2 = 9 \mu\text{C}$ đặt tại hai điểm A, B cách nhau 7 cm trong chân không. Xác định vị trí điểm M có cường độ điện trường tổng hợp triệt tiêu?

ĐỀ ÔN SỐ 6

Câu 1 (2,5 điểm): Ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung tương ứng ở cột bên phải để được một câu có nội dung đúng.

CỘT A	CỘT B	ĐÁP ÁN (Ví dụ 1-a)
1. Vector cường độ điện trường	a. hiệu điện thế.	
2. Điện tích proton bằng	b. culông (C)	
3. Môi trường truyền tương tác giữa các điện tích gọi là	c. $V_M = \frac{A_{M\infty}}{q}$	
4. Đơn vị điện tích là	d. $A_{MN} = qEd$	
5. Công thức tính công của lực điện trong điện trường đều:	e. cường độ điện trường	
6. Công của lực điện và độ giảm thế năng của điện tích trong điện trường	f. $\vec{E} = \frac{\vec{F}}{q}$	
7. Công thức tính điện thế	g. $-1,6 \cdot 10^{-19} \text{ C}$	
8. $U=E \cdot d$ là công thức tính	h. $C = \frac{Q}{U}$	
9. Tụ điện dùng để	i. chứa điện tích	
10. Công thức tính điện dung C	k. $A_{MN} = W_M - W_N$	
	l. $1,6 \cdot 10^{-19} \text{ C}$	
	m. V/m.	

Câu 2 (2,5 điểm): Điền vào chỗ trống

- Lực hút hay đẩy giữa hai điện tích điểm đặt trong chân không có phương trùng với đường thẳng nối hai điện tích điểm đó, có độ lớn(1)..... với tích độ lớn của hai điện tích và tỉ lệ nghịch với bình phương khoảng cách giữa chúng.

- Điện tích của electron và điện tích của proton là điện tích nhỏ nhất mà ta có thể có được. Vì vậy ta gọi chúng là(2).....

- Điện trường là một dạng vật chất bao quanh các điện tích và gắn liền với điện tích. Điện trường tác dụng lực điện lên (3)..... đặt trong nó.

- Véc tơ cường độ điện trường $\vec{E}$ gây bởi một điện tích điểm có: Chiều hướng ra xa điện tích nếu là điện tích dương, hướng về phía điện tích nếu là(4).....

- Lực tĩnh điện là lực thế, trường tĩnh điện là(5).....

- Thế năng của điện tích đặt tại một điểm trong điện trường đặc trưng cho(6)..... của điện trường khi đặt điện tích tại điểm đó.

- Điện thế là đại lượng đại số. Thường chọn điện thế ở(7)..... hoặc một điểm ở vô cực làm mốc (bằng 0).

- Hệ thức liên hệ giữa hiệu điện thế và cường độ điện trường:.....(8).....

- Tụ điện phẳng gồm hai bản kim loại phẳng đặt(9)..... với nhau và ngăn cách nhau bằng một lớp điện môi.

- Điện dung của tụ điện là đại lượng đặc trưng cho(10)..... của tụ điện ở một hiệu điện thế nhất định.

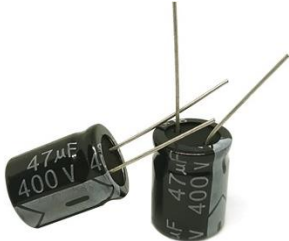
B. BÀI TẬP

Câu 3 (2điểm): Hai điện tích $q_1 = 12.10^{-10} \text{ C}$, $q_2 = 16.10^{-10} \text{ C}$ đặt tại 2 điểm A, B cách nhau 5 cm trong chân không. Tính cường độ điện trường tổng hợp tại điểm M, biết $MA = 3\text{cm}$ và $MB = 4\text{cm}$.

Câu 4 (1điểm): Công của lực điện trường dịch chuyển một điện tích $-2 \mu\text{C}$ ngược chiều của một đường sức điện trường đều cường độ 2000 V/m trên quãng đường 2 m là bao nhiêu?

Câu 5 (1điểm):

Trên vỏ một tụ điện có ghi $47\mu\text{F} - 400\text{V}$ như hình bên. Nối hai bản tụ với hiệu điện thế 220V .



a/ Nêu ý nghĩa số liệu ghi trên tụ.

b/ Tính điện tích mà tụ tích được.

Câu 6 (1điểm): Cho hai điện tích $q_1 = 16 \text{ nC}$, $q_2 = 4 \text{ nC}$ đặt tại hai điểm A, B cách nhau 6 cm trong chân không. Xác định vị trí của điện tích $q_3 = 5 \text{ nC}$ khi chịu tác dụng của hai điện tích trên cân bằng?